| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 338/2026/DS-ST
Ngày: 21/5/2026
*Về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Văn Lắm;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Hoàng;

2. Ông Giản Phi Vân;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp:*** Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2026/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.
Địa chỉ trụ sở chính: 266 – B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty S1)
Đại diện theo pháp luật của SBA: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Gia T1 - Nhân viên Công ty S1.
(Giấy ủy quyền số 8549/2024/UQ-TGĐ ngày 26/11/2024)
Địa chỉ liên hệ: Lầu F - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Huỳnh Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1997.
Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

*(Ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/3/2022, chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L có ký kết với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 75.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ Master; số thẻ 526830 – 2878; Hạn mức 75.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng 15/3/2022; Lãi suất áp dụng 2.766%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 725.156.370 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, chị L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 653.237.000 đồng.

Do chị H Bùi Thị Trúc L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 16/6/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quán hạn theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Đến ngày 06/3/2026, chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L còn nợ Ngân hàng TMCP S các khoản sau: Dư nợ là 86.454.838 đồng; lãi quá hạn là 118.969.165 đồng. Tổng cộng là 205.424.003 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 06/3/2026 là 205.424.003 đồng; yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu chị L tiếp tục thanh tóa khoản lãi phát sinh từ ngày 07/3/2026 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất qui định tại hợp đồng.

* Bị đơn chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng măt, nhưng có nộp bản tự khai và tóm tắt sao kê tính đến ngày 21/5/2026, cụ thể: yêu cầu chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử là 214.511.095 đồng (trong đó dư nợ là 86.454.838 đồng; lãi quá hạn là 128.056.257 đồng); yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu chị L tiếp tục thanh tóan khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L trả số tiền dư nợ, tiền lãi theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Chị L sử dụng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dung cá nhân, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ngân hàng có giao nộp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/3/2022 kèm theo Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L để mở thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 75.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.766%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/3/2022 do nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận ký kết bởi những người có thẩm quyền, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện khi giao kết hợp đồng, hình thức và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 5 về Hoạt động ngân hàng theo Điều lệ Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Nên xác định hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân này hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện trách nhiệm theo cam kết.

[3.2] Chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L đã sử dụng hạn mức cấp tín dụng, nhưng trong quá trình sử dụng thẻ, chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ theo quy định tại Điều 18 của hợp đồng, do đó ngày 16/6/2023 Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều 24 của hợp đồng.

[3.3] Chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, việc ngân hàng yêu cầu chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L trả số tiền dư nợ quá hạn và lãi suất quá hạn tính đến ngày xét

xử 21/5/2026 (ngày xét xử) là 214.511.095 đồng (trong đó dư nợ là 86.454.838 đồng; lãi quá hạn là 128.056.257 đồng), đồng thời yêu cầu chị L tiếp tục thanh toán số tiền lãi và lãi chậm trả từ sau ngày xét xử đến khi hết nợ theo hợp đồng trên là phù hợp quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Ngân hàng yêu cầu chị L trả hết số tiền gốc và lãi làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét bị đơn Huỳnh Bùi Thị Trúc L vắng mặt không thỏa thuận được thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền dư nợ quá hạn và tiền lãi tính đến ngày 21/5/2026 là 214.511.095 đồng *(Hai trăm mười bốn triệu năm trăm mười một nghìn không trăm chín mươi lăm đồng)*, (trong đó dư nợ quá hạn là 86.454.838 đồng, tiền lãi là 128.056.257 đồng).

Thực hiện khi án có hiệu lực.

2. Kể từ ngày 22/5/2026, chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/3/2022, cho đến khi chị Trúc L thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Huỳnh Bùi Thị Trúc L phải chịu 10.725.555 đồng *(Mười triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

+ H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.727.699 đồng *(ba triệu bảy trăm hai mươi nảy nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng)*

theo biên lai thu số 0031227 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Lắm**

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tp Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.